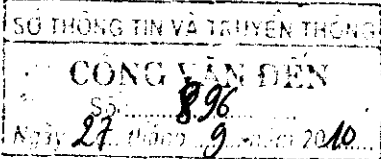


KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Hà Nam giai đoạn 2011 - 2015



I. CÁC CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Chỉ thị số 58-CT/TW ngày 17/10/2000 của Bộ Chính trị (Khóa VII) về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin (CNTT) phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;

Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 về việc Phê duyệt Chiến lược Phát triển CNTT và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Quy hoạch Ứng dụng và Phát triển CNTT tỉnh Hà Nam giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến năm 2020;

Công văn số 491/BTTTT-UDCNTT về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2015.

II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

1. Môi trường pháp lý

Ngày 14/02/2006 UBND tỉnh đã ký Quyết định số 04/2007/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch Ứng dụng và Phát triển CNTT tỉnh Hà Nam giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến năm 2020. Việc triển khai, thực hiện các dự án trong Quy hoạch của tỉnh còn đang gặp nhiều khó khăn về nguồn kinh phí. Nhiều dự án quan trọng vẫn chưa được triển khai, thực hiện theo đúng tiến độ.

Ngày 12/8/2008, UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch “Ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Hà Nam năm 2008” bao gồm một số hạng mục: Xây dựng Cổng thông tin điện tử, 6 dịch vụ hành chính công, hệ thống thư điện tử của tỉnh và triển khai các phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp cho các cơ quan quản lý nhà nước. Đến nay, các hạng mục này đã triển khai xong và đang được ứng dụng tại các cơ quan.

Ngày 03/11/2009, UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch “Ứng dụng CNTT

trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Hà Nam giai đoạn 2009 - 2010". Hiện nay, một số hạng mục, dự án đã và đang được triển khai.

2. Hạ tầng kỹ thuật

a) Hạ tầng mạng và các thiết bị tin học

*** Hiện trạng mạng cục bộ (LAN)**

Dự án nối mạng LAN được xây dựng và triển khai từ năm 2002. Hiện nay 100% các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố đều có mạng LAN và kết nối internet qua đường truyền ADSL. Tại mỗi cơ quan đã được trang bị 1 đến 2 máy chủ, từ 4 đến 12 máy trạm cho các phòng là đầu mối về thông tin và một số thiết bị mạng khác như Hub, tủ Hub, modem..., đồng thời đi dây, lắp đặt nút mạng tới tất cả các phòng chức năng của từng cơ quan. Hiện nay các thiết bị này cũng đã hết khấu hao, một số đơn vị đã hỏng máy chủ, máy trạm.

Số liệu cụ thể: Phụ lục I và II.

*** Hiện trạng Trung tâm tích hợp dữ liệu (THDL)**

Trung tâm THDL được xây dựng từ năm 2002. Trung tâm có chức năng liên kết cơ sở dữ liệu (CSDL) tác nghiệp của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trong tỉnh, chia sẻ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và các cơ quan trong tỉnh. Ngoài ra, Trung tâm THDL còn cung cấp hạ tầng truyền thông chung giữa các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thông qua mạng tin học diện rộng (WAN) của tỉnh. Trung tâm THDL được trang bị các thiết bị gồm: 9 máy chủ, 04 máy trạm, 03 Switch, 01 router Cisco 3640, 01 FireWall bix 515E và các thiết bị hỗ trợ khác.

Trung tâm THDL được kết nối với các cơ quan bằng đường truyền của mạng chuyên dùng để gửi thư điện tử và công văn đi, đến.

*** Hiện trạng mạng WAN**

Hà Nam sử dụng mạng chuyên dùng để kết nối mạng WAN giữa các cơ quan quản lý hành chính nhà nước và các cơ quan Đảng. Đến nay đã kết nối thông mạng cho 54 điểm là sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các cơ quan Đảng và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, việc sử dụng vẫn còn hạn chế, do chưa được hướng dẫn cụ thể từ đơn vị triển khai.

Số liệu cụ thể: Phụ lục III.

3. Ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan nhà nước

a) Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành

*** Phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp:**

Năm 2009, UBND tỉnh đã cho phép nâng cấp và triển khai phần mềm Quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp cho 25 sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, bước đầu đã mang lại những kết quả rất đáng khích lệ, làm thay đổi cơ bản trong công tác quản lý điều hành và tác nghiệp tại mỗi cơ quan, hỗ trợ cho công cuộc cải cách hành chính, trở thành một bộ phận không thể thiếu trong quản lý,

điều hành và tác nghiệp tại các cơ quan. Phần mềm này được tích hợp và liên kết giữa UBND tỉnh và các cơ quan với nhau, cung cấp, chia sẻ, trao đổi, khai thác sử dụng thông tin dữ liệu chung trên diện rộng, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh và lãnh đạo các sở, ban, ngành, huyện, thành phố.

* Hệ thống thư điện tử:

Năm 2009, UBND tỉnh đã giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai nâng cấp hệ thống thư điện tử của tỉnh và đã cung cấp địa chỉ thư với tên miền “hanam.gov.vn” cho tất cả cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

Ngày 19/4/2010, UBND tỉnh Hà Nam đã ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng hệ thống thư điện tử tại Quyết định số 08/2010/QĐ-UBND. Hiện nay, tỷ lệ cán bộ, công chức và viên chức thường xuyên sử dụng hệ thống thư điện tử trong công việc là 40% số cán bộ, công chức, viên chức và 30% số cán bộ lãnh đạo.

b) Phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ

Hiện tại, các phần mềm, CSDL chuyên ngành đã được xây dựng và triển khai tại một số sở, ngành như: Phần mềm Quản lý văn bản quy phạm pháp luật tỉnh Hà Nam tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; Quản lý dự án đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư; Quản lý các đối tượng người có công của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Hệ thống thông tin Địa lý (GIS) của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND thành phố Phủ Lý; Quản lý kết quả các dự án đề tài khoa học của Sở Khoa học và Công nghệ; Quản lý cán bộ của Sở Nội vụ; Quản lý cấp phép khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường; Kế toán của tất cả các sở, ban, ngành, huyện, thành phố; Quản lý cấp phép lái xe, Quản lý phương tiện thủy nội địa của Sở Giao thông Vận tải; Quản lý hồ sơ thi tốt nghiệp THPT của Sở Giáo dục và Đào tạo; Quản lý viện phí của Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Quản lý hộ tịch của Sở Tư pháp. Một số phần mềm trên đang được ứng dụng thường xuyên, hiệu quả tại các cơ quan nhưng cũng có một số phần mềm do được xây dựng từ lâu, hạn chế về mặt công nghệ nên không đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công việc hiện nay. Vì vậy trong thời gian tới cần phải được nâng cấp, bổ sung cho phù hợp.

Số liệu cụ thể: Phụ lục IV.

4. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Cổng Thông tin điện tử tỉnh Hà Nam

Việc xây dựng Cổng Thông tin điện tử tỉnh Hà Nam đã được hoàn thành vào tháng 3/2010. Ngày 9/8/2010, UBND tỉnh Hà Nam đã khai trương Cổng Thông tin điện tử với địa chỉ truy cập: <http://www.hanam.gov.vn>. Cổng Thông tin điện tử bao gồm cổng chính, chuyên mục Hỏi – Đáp và 25 cổng thành viên.

Ngày 30/6/2010, UBND tỉnh đã ban hành Quy chế quản lý, cung cấp và khai thác thông tin, dịch vụ trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Nam tại Quyết định số 18/2010/QĐ-UBND, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Sở Thông tin và

Truyền thông và 25 sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trong việc quản lý và duy trì công chính, chuyên mục Hỏi - Đáp và 25 công thành viên. Hiện nay, thông tin trên Cổng được cập nhật một cách thường xuyên, việc trả lời trên Chuyên mục Hỏi - Đáp được đảm bảo đúng theo Quy chế đã ban hành.

b) Các dịch vụ công trực tuyến

Năm 2009, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan có liên quan xây dựng một số hệ thống thông tin (HTTT) phục vụ hành chính công: Cấp phép đăng ký kinh doanh liên thông (Sở Kế hoạch và Đầu tư), Cấp giấy chứng nhận đầu tư (Ban Quản lý các khu công nghiệp), Cấp phép xây dựng (Sở Xây dựng), Giải quyết khiếu nại, tố cáo (Thanh tra tỉnh), Niên giám thống kê điện tử và báo cáo các chỉ tiêu KTXH của tỉnh (Cục Thống kê), Cấp phép đầu tư, cấp phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện (Sở Kế hoạch và Đầu tư). Đến nay, các HTTT này đã triển khai xong và được tích hợp lên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh. Tuy nhiên, việc ứng dụng các HTTT này còn hạn chế do thói quen của người dân vẫn còn theo nếp cũ.

Ngoài các HTTT trên, còn có HTTT Đăng ký hành nghề y, dược đang được triển khai xây dựng tại Sở Y tế.

5. Nguồn nhân lực ứng dụng CNTT

Từ năm 2002 đến nay, UBND tỉnh đã triển khai đào tạo tin học cơ bản cho hầu hết cán bộ, công chức của tỉnh. Ngoài ra, đối với các phần mềm chuyên ngành, các cán bộ, công chức có liên quan đều được tập huấn và có thể sử dụng thành thạo vào công việc chuyên môn. Hiện nay, tỷ lệ cán bộ, công chức có thể sử dụng máy tính trong công việc là 90%.

Tại mỗi cơ quan quản lý nhà nước có 01 cán bộ chuyên trách về CNTT (quản trị mạng), trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ cao đẳng trở lên.

6. Kinh phí triển khai các dự án ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước giai đoạn 2008 - 2010 và các dự án còn đang triển khai

Số liệu cụ thể: Phụ lục V.

III. MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

1. Mục tiêu tổng quát

Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước nhằm xây dựng một chính quyền hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, dân chủ, công khai và minh bạch, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước hướng tới Chính phủ điện tử, phải thúc đẩy, gắn liền với quá trình cải cách hành chính và là một nội dung của cải cách hành chính tại Hà Nam. Đây là quá trình lâu dài, liên tục, đòi hỏi có sự kế thừa, kết hợp và đồng bộ giữa các kế hoạch, dự án đã đầu tư trong các giai đoạn trước.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Hạ tầng kỹ thuật

Mạng LAN của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đảm bảo có 2 máy chủ đủ mạnh đáp ứng triển khai các ứng dụng điều hành tác nghiệp và các HTTT chuyên ngành. Tỷ lệ trung bình máy tính/cán bộ, công chức tại tỉnh là khoảng 80% (năm 2011 là 70%). Đa số máy tính được kết nối mạng, hầu hết cán bộ, công chức nhà nước có điều kiện khai thác thông tin trên môi trường mạng phục vụ cho công việc

UBND các xã, phường được trang bị máy tính để triển khai các phần mềm chuyên ngành như Quản lý hộ tịch, quản lý khiếu nại, tố cáo...

b) Nâng cao năng lực điều hành, quản lý của các cơ quan nhà nước

Tỷ lệ các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố triển khai sử dụng các phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp trong công tác chỉ đạo, điều hành trên môi trường mạng chiếm 80% (năm 2011 là 60%).

Tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử cho công việc ở cấp tỉnh là 80% (năm 2011 là 60%) và cấp huyện là 50% (năm 2011 là 40%).

Bảo đảm 90% (năm 2011 là 70%) các thông tin chỉ đạo, điều hành của cấp lãnh đạo tỉnh được đưa lên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh.

Giảm thiểu việc sử dụng giấy tờ: Tỷ lệ văn bản điện tử tại các cơ quan quản lý nhà nước được trao đổi qua mạng là 80%.

100% cán bộ, công chức cấp xã được cấp hộp thư điện tử công vụ (@hanam.gov.vn).

b) Phục vụ người dân và doanh nghiệp

Đảm bảo Cổng Thông tin điện tử của tỉnh được duy trì với đầy đủ các thông tin theo quy định tại Điều 28 Luật CNTT, đặc biệt là chuyên mục Hỏi - Đáp phải được theo dõi và trả lời thường xuyên.

100% các huyện, thành phố và một số sở, ban, ngành được triển khai phần mềm một cửa điện tử.

Các dịch vụ hành chính công trực tuyến đã tích hợp lên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh được duy trì và ứng dụng hiệu quả. Ngoài ra, xây dựng và cung cấp thêm một số dịch vụ công trực tuyến mức 3 khác trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh.

IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Hạ tầng kỹ thuật

Nâng cấp và hoàn thiện các mạng LAN cho các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố: Nâng cấp hoặc trang bị mới để đảm bảo mỗi cơ quan có 2 máy chủ mạnh; nâng cấp và bổ sung máy trạm cho các cán bộ, công chức của các cơ quan.

Trang bị từ 1 đến 2 máy trạm và các thiết bị phụ trợ cho UBND các xã, phường, thị trấn.

Nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh: Nâng cấp và trang bị máy chủ, các thiết bị phụ trợ và phần mềm bảo mật để nâng cao khả năng hoạt động của Trung tâm dữ liệu tỉnh.

Trang bị Hệ thống giao ban điện tử giữa các sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố.

2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước

Hệ thống thư điện tử: Tiếp tục nâng cấp thống thư điện tử của tỉnh, đáp ứng được các yêu cầu mỗi cơ quan, đơn vị và mỗi cán bộ, công chức; và mở rộng hệ thống thư điện tử đến cấp xã.

Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp: Tiếp tục nâng cấp và triển khai phần mềm Quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố. Đến năm 2015, triển khai phần mềm này tới các xã, phường, thị trấn.

Xây dựng và triển khai các dự án, nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với từng cơ quan, đơn vị.

Số hoá các nguồn thông tin trong cơ quan nhà nước: Thực hiện việc số hoá các văn bản trên giấy tờ chưa ở dạng số để lưu trữ và quản lý trên hệ thống máy tính, phục vụ cho việc lưu trữ, tra cứu thông tin nhanh và thuận tiện.

Tiếp tục triển khai phần mềm nguồn mở thực hiện Quyết định số 50/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ tới các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

Duy trì và nâng cấp Cổng Thông tin điện tử một cách phù hợp nhằm đáp ứng các nhu cầu về thông tin công cộng của các đối tượng nhân dân nhất là việc duy trì và nâng cấp Chuyên mục Hỏi - Đáp và các dịch vụ công đã được tích hợp lên Cổng.

Xây dựng và triển khai phần mềm một cửa điện tử cho UBND các huyện, thành phố và một số sở, ban, ngành.

4. Nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT

a) Thu hút và đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

Xây dựng chính sách thu hút nhân lực CNTT, chế độ ưu đãi đối với nguồn nhân lực chất lượng cao.

Xây dựng và thực hiện các phương án triển khai đào tạo nâng cao kiến thức và kỹ năng cho cán bộ chuyên trách về CNTT. Số lượng: 250 lượt người (mỗi cơ quan 1-2 người, mỗi năm đào tạo 1 lượt).

b) Đào tạo ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức

Đào tạo cho tất cả cán bộ, công chức sử dụng thông thạo máy tính và các ứng dụng CNTT phục vụ cho nhu cầu công tác, trong đó chú trọng đến kỹ năng khai thác và sử dụng Internet, tham gia vận hành các HTTT đã, đang và sẽ triển khai. Số lượng: Trung bình mỗi năm đào tạo cho khoảng 300-500 lượt người về ứng dụng CNTT.

c) Tập huấn về chữ ký số cho Lãnh đạo và văn thư

Tập huấn cho Lãnh đạo, văn thư các cơ quan hiệu và nắm bắt được về chữ ký số trong giao dịch điện tử.

V. GIẢI PHÁP

1. Tài chính

Ban hành các chính sách, quy định cụ thể từ các nguồn kinh phí đầu tư cho sự nghiệp khoa học, nguồn kinh phí dự phòng của tỉnh ứng dụng CNTT của tỉnh; nguồn chi thường xuyên hằng năm để bảo trì, nâng cấp cho các ứng dụng CNTT tại các cơ quan

Tranh thủ nguồn kinh phí hỗ trợ từ Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Quỹ Microsoft về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT.

2. Triển khai

Triển khai các ứng dụng CNTT kết hợp với chương trình cải cách thủ tục hành chính, đưa tiêu chuẩn ISO vào quá trình tin học hoá tại các cơ quan đã được áp dụng, triển khai ISO.

Lựa chọn một sở và một huyện có nền tảng khá về ứng dụng CNTT làm mô hình thí điểm để triển khai các ứng dụng CNTT nhằm nhân rộng ra các cơ quan và các huyện khác trên địa bàn tỉnh.

3. Tổ chức

Kiên toàn và duy trì hoạt động của Ban Chỉ đạo Ứng dụng và Phát triển CNTT của tỉnh.

Các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố có trách nhiệm bố trí cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ và kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin được giao.

4. Môi trường chính sách

Ban hành các chính sách ưu đãi về thu nhập cho những người làm trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Đưa kết quả ứng dụng công nghệ thông tin thành một tiêu chí đánh giá trong việc xét duyệt thi đua khen thưởng hằng năm.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng hợp kinh phí thực hiện

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Hạng mục	Thời gian và kinh phí					
		Tổng	2011	2012	2013	2014	2015
1	Hạ tầng kỹ thuật	10.800	3.000	3.000	1.600	1.600	1.600
2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước	18.500	3.500	4.800	4.300	1.900	4.000
3	Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp	10.000	2.000	1.700	2.200	2.700	1.400
	Tổng cộng:	39.300	8.500	9.500	8.100	6.200	7.000

Bảng chữ: Ba mươi chín tỷ ba trăm triệu đồng.

2. Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách nhà nước (vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp) và các nguồn vốn khác.

VII. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CNTT

Xem Phụ lục VI

VIII. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ CỦA KẾ HOẠCH

Đẩy nhanh cải cách hành chính, giúp thu hẹp khoảng cách về không gian và thời gian trong giao tiếp, đối thoại giữa các cơ quan nhà nước của tỉnh với các tầng lớp nhân dân cũng như với doanh nghiệp và các nhà đầu tư trong sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Hà Nam.

Thay đổi nếp làm việc của các cơ quan. Việc sử dụng, thường xuyên hạ tầng kỹ thuật và phần mềm tại cơ quan quản lý nhà nước trên địa tỉnh giúp một phần không nhỏ giảm tối đa văn bản, giấy tờ hành chính, tiết kiệm thời gian và chi phí.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

Hàng năm xây dựng, trình UBND tỉnh các kế hoạch triển khai ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước. Đề xuất những giải pháp cần thiết trình lãnh đạo UBND tỉnh quyết định.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về CNTT trên địa bàn tỉnh.

Là thường trực giúp UBND tỉnh chỉ đạo và phối hợp các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trong việc thực hiện các dự án ứng dụng CNTT.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông cân đối tổng hợp các nguồn lực trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hằng năm của tỉnh cho các dự án ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh. Xây dựng các giải pháp triển khai chính sách huy động các nguồn vốn trong nước và nước ngoài cho việc ứng dụng CNTT trong các hoạt động của cơ quan nhà nước.

3. Sở Tài chính

Chủ trì xây dựng cơ chế, tạo điều kiện đảm bảo ưu tiên bố trí kinh phí và cấp đủ kinh phí cho các dự án ứng dụng CNTT theo Kế hoạch.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành liên quan đẩy mạnh chương trình cải cách hành chính, đào tạo nguồn nhân lực CNTT tạo cơ sở cho ứng dụng CNTT trong quản lý hành chính nhà nước.

5. Các sở, ban, ngành khác; UBND các huyện, thành phố

Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm phối hợp cùng Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan trong việc triển khai Kế hoạch sau khi được phê duyệt./. *U*

Nơi nhận:

- Ban chỉ đạo quốc gia về CNTT (b/c);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu VT, GT.



CHỦ TỊCH

Trần Xuân Lộc

Phụ lục I
HIỆN TRẠNG TRANG THIẾT BỊ TIN HỌC
(Kèm theo Kế hoạch số 1326/KH-UBND ngày 24/9/2010 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan	Số máy tính	Số máy chủ	Số máy in	Số máy Scanner
1	Văn phòng UBND tỉnh	44	3	11	1
2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	26	1	15	1
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	25	2	5	1
4	Sở Tài chính	38	4	20	1
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	25	1	11	1
6	Sở Tài nguyên Môi trường	40	6	8	2
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	42	2	31	2
8	Sở Khoa học và Công nghệ	29	2	13	2
9	Sở Thông tin và Truyền thông	26	2	3	1
10	Sở Xây dựng	40	2	12	1
11	Sở Công Thương	24	3	4	2
12	Sở Giao thông Vận tải	24	2	7	1
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	27	1	4	2
14	Sở Y tế	22	2	6	1
15	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	40	2	22	1
16	Sở Nội vụ	32	2	12	1
17	Sở Tư pháp	30	3	4	1
18	Thanh tra tỉnh	18	1	2	1
19	Ban Quản lý các KCN	21	1	10	1
20	UBND thành phố Phủ Lý	30	2	23	1
21	UBND huyện Kim Bảng	68	2	23	1
22	UBND huyện Lý Nhân	35	2	18	1
23	UBND huyện Thanh Liêm	52	2	40	1
24	UBND huyện Duy Tiên	56	2	21	1
25	UBND huyện Bình Lục	68	2	23	1

Phụ lục II
HIỆN TRẠNG MẠNG LAN
(Kèm theo Kế hoạch số 1326/KH-UBND ngày 24/9/2010 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan	Mạng LAN				Mạng diện rộng (có: x)
		Số mạng LAN	Số máy tính	Số máy chủ	Số máy in	
1	Văn phòng UBND tỉnh	1	39	3	11	x
2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	1	25	1	14	x
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1	25	2	5	x
4	Sở Tài chính	1	38	4	20	x
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	20	1	11	x
6	Sở Tài nguyên Môi trường	1	30	6	8	x
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	1	39	2	31	x
8	Sở Khoa học và Công nghệ	1	25	2	13	x
9	Sở Thông tin và Truyền thông	1	26	2	3	x
10	Sở Xây dựng	1	40	2	12	x
11	Sở Công Thương	1	24	3	4	x
12	Sở Giao thông Vận tải	1	22	2	7	x
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	25	01	4	x
14	Sở Y tế	1	20	2	6	x
15	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	1	40	2	15	x
16	Sở Nội vụ	1	30	2	12	x
17	Sở Tư pháp	1	30	3	4	x
18	Thanh tra tỉnh	1	17	1	2	x
19	Ban Quản lý các KCN	1	5	0	10	x
20	UBND thành phố Phủ Lý	1	30	2	23	x
21	UBND huyện Kim Bảng	1	26	2	23	x
22	UBND huyện Lý Nhân	1	12	2	7	x
23	UBND huyện Thanh Liêm	1	45	2	40	x
24	UBND huyện Duy Tiên	1	53	2	21	x
25	UBND huyện Bình Lục	1	30	2	23	x

Phụ lục III
CÁC CƠ QUAN ĐÃ ĐƯỢC LẬP ĐẶT MẠNG TRUYỀN
SỐ LIỆU CHUYÊN DÙNG

(Kèm theo Kế hoạch số 1326/KH-UBND ngày 24/9/2010 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị
1.	Văn phòng Tỉnh uỷ
2.	Văn phòng UBND tỉnh
3.	Trung tâm tích hợp dữ liệu
4.	Sở Thông tin và Truyền thông
5.	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh
6.	Ban Quản lý các khu công nghiệp
7.	Sở Nội vụ
8.	Sở Kế hoạch Đầu tư
9.	Sở Nông Nghiệp và Phát Triển nông thôn
10.	Sở Công thương
11.	Sở Xây dựng
12.	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch
13.	Sở Lao động Thương binh và Xã hội
14.	Sở Tư pháp
15.	Sở Tài chính
16.	Thanh tra tỉnh
17.	Công an tỉnh
18.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
19.	Tỉnh đoàn
20.	Liên đoàn Lao động tỉnh
21.	Liên minh các hợp tác xã tỉnh
22.	Hội Chữ thập đỏ tỉnh
23.	Hội Nông dân tỉnh
24.	Sở Giao thông Vận tải
25.	Sở Tài nguyên và Môi trường
26.	Sở Khoa học và Công nghệ
27.	Sở Giáo dục và Đào tạo
28.	Sở Y tế
29.	Ngân hàng Nhà nước tỉnh
30.	Viện Kiểm sát tỉnh

STT	Tên cơ quan, đơn vị
31.	Tòa án nhân dân tỉnh
32.	Bảo hiểm xã hội tỉnh
33.	Kho bạc Nhà nước
34.	Cục Thống kê tỉnh
35.	Phân xã Thông tấn xã
36.	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh
37.	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh
38.	Thành ủy Phủ Lý
39.	Huyện ủy Kim Bảng
40.	Huyện ủy Lý Nhân
41.	Huyện ủy Thanh Liêm
42.	Huyện ủy Bình Lục
43.	Huyện ủy Duy Tiên
44.	UBND thành phố Phủ Lý
45.	UBND huyện Kim Bảng
46.	UBND huyện Lý Nhân
47.	UBND huyện Thanh Liêm
48.	UBND huyện Bình Lục
49.	UBND huyện Duy Tiên
50.	Hội Người mù tỉnh
51.	Hội Đông y tỉnh
52.	Hội Văn học nghệ thuật
53.	Hội Cựu chiến binh tỉnh
54.	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh

Phụ lục IV
DANH MỤC CÁC ỨNG DỤNG TIN HỌC HOÁ
(Kèm theo Kế hoạch số 1326/KH-UBND ngày 24/9/2010 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan	CSDL, chương trình ứng dụng
1	Văn phòng UBND tỉnh	MS Office, Quản lý tài chính (IMAS), Quản lý VB QPPL, Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, Thư điện tử.
2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	MS Office, Quản lý tài chính, Khai thác VB QPPL, Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, Thư điện tử.
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	MS Office, Quản lý tài chính, Quản lý VB QPPL, Quản lý Dự án đầu tư, Đăng ký kinh doanh liên thông, Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, Thư điện tử.
4	Sở Tài chính	MS Office, Công báo, Quản lý ngân sách, Kế toán HCSN, Quản lý mã số, PM Kế toán xã, Quản lý lưu trữ, Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, Thư điện tử, Đăng ký tài sản.
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	MS Office, Quản lý tài chính, Quản lý VB QPPL, Quản lý Rừng, Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, Thư điện tử.
6	Sở Tài nguyên Môi trường	MS Office, Quản lý tài chính, Quản lý VB QPPL, Quản lý vật tư, Quản lý Khiếu nại tố cáo, Thông tin đất đai (CILIS), Bản đồ địa chính, các PM đo đạc bản đồ, Công thông tin điện tử nội bộ, Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, Thư điện tử.
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	MS Office, Quản lý tài chính, Quản lý thi, Quản lý Mầm non, Điều tra mức chất lượng tối thiểu, Quản lý cán bộ, Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, Thư điện tử.
8	Sở Khoa học và Công nghệ	MS Office, Quản lý tài chính, Hệ thống thông tin địa lý (GIS), Quản lý kết quả đề tài dự án, Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, Thư điện tử.
9	Sở Thông tin và Truyền thông	MS Office, Quản lý tài chính, Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, Thư điện tử, Quản lý BTS, Quản lý nhân sự.

STT	Tên cơ quan	CSDL, chương trình ứng dụng
10	Sở Xây dựng	MS Office, Quản lý tài chính, Autocad, Quy hoạch Xây dựng, Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, Thư điện tử, Hệ thống thông tin cấp phép xây dựng.
11	Sở Công thương	MS Office, Quản lý tài chính, Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, Thư điện tử.
12	Sở Giao thông Vận tải	MS Office, Quản lý tài chính, Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, Thư điện tử, Phần mềm điều tra phương tiện thủy nội địa, Phần mềm quản lý giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, Phần mềm quản lý đường bộ.
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	MS Office, Quản lý tài chính, Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, Thư điện tử.
14	Sở Y tế	MS Office, Quản lý tài chính, Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, Thư điện tử.
15	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	MS Office, Quản lý tài chính, Quản lý lưu trữ, Quản lý HS NCC, Quản lý đối tượng TNXP, Quản lý Mộ và Nghĩa trang, Quản lý tài chính chi trả NCC, Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, Thư điện tử.
16	Sở Nội vụ	MS Office, Quản lý tài chính, Quản lý cán bộ, Điều tra CBCC xã, Quản lý CCVC xã, Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, Thư điện tử.
17	Sở Tư pháp	MS Office, Quản lý tài chính, Quản lý VB QPPL, Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, Thư điện tử, Quản lý Hộ tịch.
18	Thanh tra tỉnh	MS Office, Quản lý tài chính, Quản lý VB QPPL, Quản lý Đơn thư KNTC, Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, Thư điện tử, Phần mềm tra cứu văn bản pháp luật Việt Nam.
19	Ban Quản lý các KCN	MS Office, Quản lý tài chính, Quản lý VB QPPL, Quản lý nhân sự, Quản lý VB, Thư điện tử.

STT	Tên cơ quan	CSDL, chương trình ứng dụng
20	UBND thành phố Phủ Lý	MS Office, Quản lý tài chính, GIS, Acad, Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, Thư điện tử.
21	UBND huyện Kim Bảng	MS Office, Quản lý tài chính, 3 PMDC, Thư điện tử.
22	UBND huyện Lý Nhân	MS Office, Quản lý tài chính, 3 PMDC, Thư điện tử.
23	UBND huyện Thanh Liêm	MS Office, Quản lý tài chính, Quản lý NSNN, Thống kê EMIS, Quản lý CBCC, Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, Thư điện tử.
24	UBND huyện Duy Tiên	MS Office, Quản lý tài chính, Công báo, Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc, Thư điện tử.
25	UBND huyện Bình Lục	MS Office, Quản lý tài chính, Quản lý Văn bản và Hồ sơ công việc, Thư điện tử, Quản lý đất đai, Quản lý giáo dục.

Phụ lục V

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CNTT GIAI ĐOẠN 2008 - 2010
(Kèm theo Kế hoạch số 1326/KH-UBND ngày 24/9/2010 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên dự án/nhiệm vụ	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Thời gian thực hiện	Hiệu quả/ Hiện trạng
1	Công Thống tin điện tử tỉnh Hà Nam	3.301.346.000	Ngân sách Nhà nước	2009-2010	Đã triển khai xong và đang hoạt động tốt
2	Hệ thống Đăng ký cấp phép xây dựng	450.413.000	Ngân sách Nhà nước	2009	Đã triển khai xong và đang hoạt động tốt
3	Hệ thống thông tin Quản lý hộ tịch	1.431.977.000	Ngân sách Nhà nước	2009-2010	Đang triển khai
4	Hệ thống thông tin Đăng ký kinh doanh liên thông	690.000.000	Ngân sách Nhà nước	2009	Đã triển khai xong và đang hoạt động tốt
5	Hệ thống quản lý Cấp giấy chứng nhận đầu tư vào các khu công nghiệp	481.236.000	Ngân sách Nhà nước	2009	Đã triển khai xong và đang hoạt động tốt
6	Niên giám thống kê điện tử và báo cáo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu tỉnh Hà Nam	150.000.000	Ngân sách Nhà nước	2009	Đã triển khai xong và đang hoạt động tốt
7	Hệ thống thông tin Quản lý khiếu nại, tố cáo	820.140.700	Ngân sách Nhà nước	2009-2010	Đã triển khai xong và đang hoạt động tốt

STT	Tên dự án/nhiệm vụ	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Thời gian thực hiện	Hiệu quả/ Hiện trạng
8	Nâng cấp hệ thống Mail; nâng cấp phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc và Trang thông tin phục vụ điều hành; quy hoạch lại Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh; đào tạo sử dụng phần mềm TDOoffice”	1.100.000	Ngân sách Nhà nước	2008-2009	Đã triển khai xong và đang hoạt động tốt
9	Công trình lắp đặt, nâng cấp bổ sung mạng tin học huyện Bình Lục	50.000.000	Ngân sách Nhà nước	2009	Đã triển khai xong và đang hoạt động tốt
10	Trang tin tổng hợp của UBND huyện Duy Tiên	272.895.800	Ngân sách Nhà nước	2009	Đã triển khai xong và đang hoạt động tốt
11	Đầu tư trang thiết bị phục vụ tin học hoá tại Trung tâm thông tin của Sở Tài nguyên và Môi trường	2.490.000.000	Ngân sách Nhà nước	2008-2009	Đã triển khai xong và đang hoạt động tốt
12	Xây dựng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 cho các lĩnh vực: cấp phép đầu tư, cấp phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nam	1.000.000.000	Quỹ Microsoft	2010	Đã triển khai xong và đang nghiệm thu

STT	Tên dự án/nhiệm vụ	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Thời gian thực hiện	Hiệu quả/ Hiện trạng
13	Phần mềm một cửa điện tử tại UBND thành phố Phú Lý	1.530.848.750	Ngân sách Nhà nước	2010	Đang triển khai
14	Phần mềm một cửa điện tử tại UBND huyện Duy Tiên	300.000.000	Ngân sách Nhà nước	2010	Đang triển khai
15	Thúc đẩy sử dụng phần mềm mã nguồn mở	260.000.000	Ngân sách Nhà nước	2010	Đang triển khai
16	Hệ thống Đăng ký hành nghề y, dược	700.000.000	Ngân sách Nhà nước	2010	Đang triển khai
	Tổng	13.929.957.250			
<p>Bảng chữ: Mười ba tỷ chín trăm hai mươi chín triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng</p>					

Phụ lục VI
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CNTT
(Kèm theo Kế hoạch số 1326/KH-UBND ngày 24/9/2010 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị chủ trì	Dự án, nhiệm vụ	Thời gian và kinh phí					
			Tổng	2011	2012	2013	2014	2015
1	Sở Thông tin và Truyền thông	Bổ sung trang thiết bị, phần mềm bảo mật cho Trung tâm dữ liệu tỉnh.	1.300	500	500	100	100	100
		Xây dựng hệ thống giao ban điện tử trực tuyến.	2.500	500	500	500	500	500
		Nâng cấp hệ thống thư điện tử đến cấp xã.	1.000		1.000			
		Nâng cấp phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc đến cấp xã.	2.000		500	500	500	500
		Xây dựng Hệ thống Quản lý hạ tầng thông tin và truyền thông.	1.000			1.000		
		Đào tạo và nâng cao nhận thức về công nghệ thông tin.	1.600	400	300	300	300	300
		Thúc đẩy phần mềm mã nguồn mở.	2.500	500	500	500	500	500
		Số hóa thông tin.	1.500	1.000	500			
		Xây dựng và triển khai phần mềm một cửa tại các điểm một cửa của các cơ quan quản lý nhà nước.	5.500	1.500	1.000	1.000	1.000	1.000
		Nâng cấp Cổng Thông tin điện tử Hà Nam.	1.600		200	500	500	400
2	Ban Quản lý các KCN	Xây dựng Hệ thống quản lý các khu công nghiệp	500			500		

STT	Đơn vị chủ trì	Dự án, nhiệm vụ	Thời gian và kinh phí					
			Tổng	2011	2012	2013	2014	2015
3	Sở Giao thông Vận tải	Nâng cấp Hệ thống Cấp, đổi giấy phép lái xe	700			700		
		Xây dựng Hệ thống Quản lý cơ sở hạ tầng giao thông vận tải.	1.500					1.500
4	Văn phòng UBND tỉnh	Trang bị máy tính và các thiết bị cho UBND các xã, phường, thị trấn.	3.500	1.000	1.000	500	500	500
		Bổ sung máy tính, nâng cấp mạng LAN của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.	3.500	1.000	1.000	500	500	500
		Xây dựng cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính tỉnh Hà Nam.	300	300				
5	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Xây dựng Hệ thống Quản lý các hoạt động văn hoá, du lịch.	300			300		
6	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Xây dựng Hệ thống Quản lý trẻ em thuộc đối tượng chính sách.	500					500
		Lao động, việc làm	500		500			
7	Sở Xây dựng	Xây dựng Hệ thống Quản lý các công trình xây dựng.	500		500			
		Xây dựng Hệ thống Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	500	500				
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Xây dựng Hệ thống Quản lý dự án đầu tư và đấu thầu.	700	700				
9	Sở Tài chính	Xây dựng hệ thống Quản lý giá cả thị trường.	1.000		1.000			
		Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài chính ngân sách.	500			500		

STT	Đơn vị chủ trì	Dự án, nhiệm vụ	Thời gian và kinh phí					
			Tổng	2011	2012	2013	2014	2015
10	Sở Nội vụ	Xây dựng Hệ thống Quản lý công tác thi đua khen thưởng.	300	300				
		Xây dựng Hệ thống Quản lý các hoạt động tôn giáo.	200		200			
11	Sở Tư pháp	Xây dựng Hệ thống Quản lý thi hành án dân sự cấp tỉnh.	300				300	
12	Sở Khoa học và Công nghệ	Xây dựng Cơ sở dữ liệu thông tin tư liệu khoa học và công nghệ.	200				200	
		Xây dựng Hệ thống Quản lý về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.	500					500
13	Sở Công thương	Xây dựng Hệ thống Quản lý các thiết bị chuyên ngành công nghiệp.	200					200
		Xây dựng Hệ thống Quản lý quỹ khuyến công.	100				100	
		Xây dựng Hệ thống Quản lý các hoạt động thương mại và dịch vụ.	700			700		
14	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Xây dựng Hệ thống Quản lý dữ liệu nông nghiệp - nông thôn - làng nghề.	300		300			
		Xây dựng Hệ thống Quản lý hệ thống thủy lợi và đê điều.	300	300				
15	Công an tỉnh	Xây dựng Hệ thống Đăng ký tạm trú, tạm vắng	1.200				1.200	
Tổng kinh phí:			39.300	8.500	9.500	8.100	6.200	7.000